

# PHƯƠNG PHÁP SO SÁNH LUẬT VÀ CÁC NGHIÊN CỨU VỀ SỰ PHÙ HỢP CỦA PHÁP LUẬT QUỐC GIA VỚI PHÁP LUẬT QUỐC TẾ

HOÀNG THỊ MINH HẰNG\*

*So sánh luật là một phương pháp được sử dụng và các nghiên cứu thuộc lĩnh vực luật, bên cạnh các phương pháp, như: phương pháp phân tích luật, phương pháp giải thích luật, phương pháp nghiên cứu tình huống... Bài viết tập trung áp dụng phương pháp so sánh luật trong các nghiên cứu về sự phù hợp hay tương thích hoặc tuân thủ của pháp luật quốc gia với pháp luật quốc tế. Từ đó, khẳng định phương pháp nghiên cứu trong các công trình đánh giá sự phù hợp của pháp luật quốc gia với pháp luật quốc tế không phải là phương pháp so sánh luật mà là các phương pháp, như: phương pháp giải thích luật và phương pháp phân tích luật.*

*Từ khóa:* So sánh luật; phương pháp tại bàn; giải thích luật; phân tích luật; sự phù hợp; pháp luật quốc gia; pháp luật quốc tế.

*Comparative law is one of the research methods commonly used and legal studies, alongside methods such as legal analysis, legal interpretation, and case study research. The article examines the application of the comparative law method in studies assessing the conformity, compatibility, or compliance of national law with international law. It argues that research evaluating the conformity of national law with international law should not be regarded as employing the comparative law method. Rather, such studies primarily rely on methods such as legal interpretation and legal analysis.*

*Keywords:* Comparative law; desk research; legal interpretation; legal analysis; conformity; national law; international law.

NGÀY NHẬN: 18/5/2026    NGÀY PHẢN BIỆN, ĐÁNH GIÁ: 28/6/2026    NGÀY DUYỆT ĐĂNG: 17/7/2026

Email: hanghtm@ftu.edu.vn

DOI: <https://doi.org/10.59394/qlnn.366.2026.1559>

## 1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế đã và đang trở thành xu hướng chủ đạo trong chính sách của phần lớn các quốc gia trên thế giới, bảo đảm quốc gia tuân thủ các

nghĩa vụ pháp lý quốc tế ngày càng nhận được sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu pháp luật. Theo đó, các nghiên cứu trên thế giới và trong nước về sự phù hợp giữa pháp

\* TS, Trường Đại học Ngoại thương

luật quốc gia và pháp luật quốc tế mới chủ yếu tập trung làm rõ sự phù hợp hoặc thiếu phù hợp giữa chúng, nguyên nhân, hệ quả pháp lý (nếu có) và nêu giải pháp khắc phục mà chưa có nghiên cứu mô tả hoặc mô tả sơ lược phương pháp nghiên cứu được áp dụng để tìm ra sự phù hợp hay thiếu phù hợp đó.

Nhiều nghiên cứu trong số đó không nêu cụ thể tên phương pháp nghiên cứu, như: (Knop, Karen & cộng sự, 2009; Ngô Đức Mạnh, 2004). Một số nghiên cứu đề cập phương pháp nghiên cứu nhưng không chỉ rõ cách thức tiến hành các bước nghiên cứu để tìm ra sự (không) phù hợp giữa hai đối tượng nghiên cứu, như trong báo cáo của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI, 2022, tr. 10-11), sau 2 năm thực hiện Hiệp định EVFTA đã chỉ ra, phần lớn các văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam đều tương thích với cam kết EVFTA. VCCI đã tiến hành rà soát chi tiết các văn bản quy phạm pháp luật thực thi EVFTA. Tuy nhiên, báo cáo của VCCI không cho biết rà soát được tiến hành ra sao.

Một số nghiên cứu khác lại áp dụng phương pháp so sánh luật (VCCI, 2021, tr. 3; Nguyễn Thị Hồng Trinh, 2025 tr. 167-181). So sánh luật không phải là phương pháp nghiên cứu đặc trưng trong lĩnh vực pháp lý mà đây là phương pháp được sử dụng đầu tiên và phổ biến hơn trong các lĩnh vực nghiên cứu khác, như: kinh tế, văn hóa, lịch sử... Kể từ khi được sử dụng trong các nghiên cứu luật học, phương pháp so sánh luật vẫn gây tranh cãi do các nhược điểm của phương pháp này. Bài viết áp dụng phương pháp nghiên cứu tại bàn để cung cấp cho người đọc hiểu biết tổng quan về phương pháp so sánh luật và áp dụng phương pháp nghiên cứu tình huống, từ đó, đánh giá việc áp dụng phương pháp so sánh luật trong một số công trình nghiên cứu cụ thể về sự phù hợp giữa pháp luật quốc gia và pháp luật quốc tế.

## 2. Khái quát về phương pháp so sánh luật

So sánh luật là phương pháp nghiên cứu, trong đó pháp luật của hai hay nhiều quốc gia khác nhau được so sánh với nhau để tìm ra điểm giống nhau và khác nhau; hiểu rõ hơn về nguyên nhân của sự tương đồng và khác biệt đó, làm sáng tỏ nguyên nhân của sự tương đồng và khác biệt cũng như rút ra những kinh nghiệm hoàn thiện pháp luật quốc gia (Matt Henn & cộng sự, 2009).

Khi tiến hành so sánh luật, người nghiên cứu sẽ (1) Lựa chọn các pháp luật quốc gia để so sánh và lý giải sự lựa chọn của mình; (2) Tiến hành so sánh để tìm ra điểm giống nhau và khác nhau giữa pháp luật của các quốc gia được lựa chọn và đánh giá về sự giống nhau và khác nhau đó; (3) Lý giải nguyên nhân của sự giống nhau và khác nhau giữa pháp luật của các quốc gia, được so sánh cũng như đánh giá tác động của sự giống nhau và khác nhau đó (Matt Henn & cộng sự, 2009).

Thực tế, phương pháp so sánh luật cũng có ưu điểm và nhược điểm riêng. Nhược điểm của phương pháp này là tính khép kín của việc so sánh luật, bởi nó chỉ mang tính tương đối, không mang tính tuyệt đối, thậm chí có thể dẫn tới nhận định hay kết luận thiếu chính xác, mang tính chủ quan, phiến diện do các đối tượng được so sánh vốn khác nhau về bản chất, hoàn cảnh hay hệ quy chiếu. Vì vậy, cần tránh so sánh máy móc các sự vật, hiện tượng và phải xét tới các yếu tố thuộc vào môi trường bên trong và bên ngoài vốn tác động tới đối tượng được so sánh.

Pháp luật quốc gia là hệ thống các quy tắc điều chỉnh hành vi của con người do nhà nước ở mỗi quốc gia ban hành và có tính cưỡng chế. Về bản chất, pháp luật quốc gia là ý chí của giai cấp thống trị của quốc gia đó, được đưa lên thành luật và do điều kiện sinh hoạt vật chất của xã hội quyết định. Do đó, pháp luật của các quốc gia khác nhau phản ánh ý chí của các giai cấp thống trị khác nhau và chịu ảnh hưởng của các yếu tố kinh

tế, chính trị, văn hóa, xã hội... khác nhau. Chính sự khác biệt về bản chất và điều kiện môi trường bên trong và bên ngoài mà việc so sánh pháp luật giữa các quốc gia khác nhau nếu không cẩn trọng sẽ dẫn tới sự “khập khiễng”, so sánh thiếu tính khoa học, không thuyết phục.

### **3. Các nghiên cứu về sự tương thích giữa pháp luật quốc gia và pháp luật quốc tế**

Trong bối cảnh Việt Nam ngày càng hội nhập sâu rộng vào các quan hệ quốc tế về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, môi trường, lao động... cũng đã có nhiều công trình nghiên cứu của các học giả trong và ngoài nước đánh giá sự phù hợp hay tương thích giữa pháp luật quốc gia với pháp luật quốc tế, từ đó, cân nhắc khả năng Việt Nam tham gia vào các quan hệ quốc tế. Thực tế cho thấy, thông qua việc gia nhập các điều ước quốc tế đã có hiệu lực, cũng như phân tích khả năng xảy ra các tranh chấp quốc tế, phát sinh từ thực tiễn tuân thủ các cam kết quốc tế của Việt Nam. Cũng có ý kiến cho rằng, các nghiên cứu về sự tương thích của pháp luật quốc gia với pháp luật quốc tế có thể sử dụng phương pháp so sánh luật (Nguyễn Thị Hồng Trinh, 2025, tr.167-181; VCCI, 2021, tr.3). Theo đó, người nghiên cứu sẽ lựa chọn pháp luật quốc gia và pháp luật quốc tế để so sánh (pháp luật quốc gia và pháp luật quốc tế được so sánh, có thể là cả hệ thống pháp luật quốc gia và cả hệ thống pháp luật quốc tế hoặc pháp luật quốc gia và pháp luật quốc tế trong một lĩnh vực cụ thể); quy định pháp luật quốc gia và pháp luật quốc tế trên văn bản hay trong thực tiễn áp dụng; các thể chế của pháp luật quốc gia hay pháp luật quốc tế hay các quy trình pháp lý (xây dựng pháp luật, thực thi pháp luật hay cưỡng chế thi hành pháp luật quốc gia và pháp luật quốc tế). Sau đó, người nghiên cứu sẽ lý giải sự lựa chọn đối tượng so sánh (chẳng hạn như tại sao lại chọn pháp luật

quốc gia A để so sánh). Tiếp đó, nghiên cứu so sánh pháp luật quốc gia và pháp luật quốc tế để tìm ra điểm tương đồng và khác biệt giữa hai nhóm quy định, đánh giá mức độ và bản chất của sự tương đồng và khác biệt. Cuối cùng, giải thích nguồn gốc của sự tương đồng và khác biệt cũng như ý nghĩa và tác động tới pháp luật quốc gia.

Quan điểm nêu trên có vẻ thuyết phục nhưng thực tế thì không, vì thiếu đi sự phù hợp giữa mục tiêu nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu. Về mặt lý thuyết, phương pháp so sánh luật được áp dụng khi mục tiêu nghiên cứu rơi vào một trong các trường hợp sau: (1) Hiểu rõ hơn pháp luật trong nước và pháp luật quốc gia khác; (2) Đưa ra được giải pháp hoàn thiện pháp luật trong nước; (3) Đóng góp vào việc xây dựng pháp luật quốc tế giữa hai hay nhiều quốc gia; (4) Hòa giải pháp luật của các quốc gia khác nhau với nhau. Tuy nhiên, đối với các công trình tìm hiểu về sự phù hợp/tương thích/tuân thủ của pháp luật quốc gia với pháp luật quốc tế, mục tiêu nghiên cứu không phải là một trong các mục tiêu trên mà chính sự khác biệt về mục tiêu nghiên cứu này quyết định phương pháp nghiên cứu của các công trình về sự phù hợp/tương thích/tuân thủ của pháp luật quốc gia với pháp luật quốc tế, không thể là phương pháp so sánh luật.

Pháp luật quốc gia và pháp luật quốc tế vốn là hai hiện tượng có sự khác biệt về cả bản chất và các yếu tố môi trường tác động. Pháp luật quốc gia và pháp luật quốc tế khác nhau về chủ thể làm luật, quy trình làm luật, đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh, tính cưỡng chế... Chẳng hạn như, về chủ thể làm luật, pháp luật quốc gia do quốc gia xây dựng nên phản ánh ý chí của giai cấp thống trị ở quốc gia đó. Trái lại, pháp luật quốc tế do hai hay nhiều quốc gia và các chủ thể khác của luật quốc tế xây dựng, vì vậy, pháp luật quốc tế không thể chỉ thể hiện ý

chí của một quốc gia mà thể hiện ý chí chung của các quốc gia hoặc các chủ thể khác cùng xây dựng nên luật quốc tế. Việc so sánh pháp luật quốc gia với pháp luật quốc tế dễ dẫn tới những nhận định khập khiễng, thiếu tính khoa học và không có tính thuyết phục cao.

Rõ ràng mục tiêu của các nghiên cứu là phân tích và đánh giá sự phù hợp/tương thích/tuân thủ của pháp luật quốc gia với pháp luật quốc tế. Mục tiêu này cũng tương tự mục tiêu xem xét hành vi của thực thể (A) có phù hợp với pháp luật (quốc gia) (B) hay không? Với mục tiêu này, người nghiên cứu cần tiến hành giải thích, phân tích pháp luật (quốc gia) (B) và sau đó, áp dụng pháp luật (quốc gia) (B) để xem xét liệu hành vi của thực thể (A) là phù hợp/đúng hay sai theo quy định của pháp luật (quốc gia) (B).

Để làm rõ hơn vấn đề này, cần xem xét mối quan hệ giữa pháp luật quốc gia và pháp luật quốc tế theo hai xu hướng chính.

(1) *Theo thuyết nhất nguyên*, pháp luật quốc gia và pháp luật quốc tế là hai bộ phận của cùng một hệ thống pháp luật. Do cùng thuộc một hệ thống pháp luật nên pháp luật quốc gia và pháp luật quốc tế phải bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật (tức là cần bảo đảm pháp luật quốc gia và pháp luật quốc tế không mâu thuẫn nhau). Trong trường hợp pháp luật quốc gia và pháp luật quốc tế mâu thuẫn nhau, quốc gia lựa chọn hoặc ưu tiên áp dụng pháp luật quốc gia hoặc ưu tiên áp dụng pháp luật quốc tế. Như vậy, đối với các quốc gia theo thuyết nhất nguyên, việc xác định xem pháp luật quốc gia có phù hợp với pháp luật quốc tế (hay không) được giải quyết tương tự như việc xác định xem hai hay nhiều quy phạm pháp luật quốc gia có mâu thuẫn với nhau hay không. Và để xác định sự mâu thuẫn hay phù hợp giữa hai hay nhiều quy phạm pháp luật, cần áp dụng phương pháp phân tích và phương pháp giải thích luật.

(2) *Theo thuyết nhị nguyên*, pháp luật quốc gia và pháp luật quốc tế là hai hệ thống pháp luật độc lập, tức là pháp luật quốc tế không đương nhiên mà cần được nội luật hóa để trở thành một phần của pháp luật quốc gia. Sau khi được nội luật hóa, pháp luật quốc tế trở thành một bộ phận của pháp luật quốc gia. Khi đó, việc xác định sự tương thích của pháp luật quốc gia với pháp luật quốc tế sẽ được thực hiện tương tự như đã phân tích. Nếu không được nội luật hóa, pháp luật quốc tế tồn tại độc lập với pháp luật quốc gia và tòa án quốc gia không có nghĩa vụ phải áp dụng pháp luật quốc tế, do vậy, vấn đề về tính tương thích của pháp luật quốc gia với pháp luật quốc tế sẽ không được đặt ra để giải quyết trước tòa án quốc gia.

Đối với các cơ quan giải quyết tranh chấp quốc tế, chẳng hạn, như: tòa án quốc tế hay các cơ quan tài phán quốc tế khác, chẳng hạn như: Cơ quan giải quyết tranh chấp của Tổ chức Thương mại Thế giới (DSB) hay Trung tâm Quốc tế về giải quyết tranh chấp đầu tư (ICSID) về mối quan hệ giữa pháp luật quốc gia và pháp luật quốc tế, các cơ quan này luôn ưu tiên áp dụng luật quốc tế, tức là các cơ quan này luôn xem xét liệu pháp luật quốc gia vi phạm hay tuân thủ/phù hợp/tương thích với pháp luật quốc tế. Và để thực hiện được công việc này, cơ quan tài phán quốc tế luôn áp dụng phương pháp phân tích và giải thích luật quốc tế, sau đó áp dụng luật quốc tế để xem xét quy định cụ thể của pháp luật quốc gia nào đó có tuân thủ luật quốc tế hay không.

#### 4. Sự phù hợp của phương pháp giải thích và phân tích luật

*Thứ nhất*, tổng quan về phương pháp giải thích và phân tích luật. Đây là phương pháp giúp trả lời câu hỏi: Luật được áp dụng trong một trường hợp cụ thể là gì? (Michael Salter and Julie Mason, 2007, tr. 45-56). Mục tiêu của các nghiên cứu áp dụng phương pháp nghiên cứu này là nhằm xác định luật được

áp dụng trong một hoàn cảnh cụ thể. Trong quy trình giản lược nhất, người nghiên cứu sẽ thực hiện ba bước: (1) Tìm luật trong các nguồn của luật, bao gồm văn bản quy phạm pháp luật, án lệ, tập quán pháp...; (2) Giải thích luật theo các nguyên tắc giải thích luật; (3) Phân tích luật theo các nguyên tắc diễn dịch, quy nạp và suy luận tương tự. Trong quy trình phức tạp hơn, người nghiên cứu sẽ tiến hành thêm một số bước trước và sau các bước của quy trình giản lược (Michael Salter and Julie Mason, 2007, tr. 108-118).

*Thứ hai*, một số nghiên cứu về sự tương thích của pháp luật quốc gia với pháp luật quốc tế có áp dụng phương pháp giải thích và phân tích luật.

Nghiên cứu về thực tiễn áp dụng của một cơ quan giải quyết tranh chấp quốc tế (cụ thể là các phán quyết của WTO DSB). WTO DSB là cơ quan giải quyết tranh chấp của WTO, có nhiệm vụ giải quyết các tranh chấp thương mại giữa các nước thành viên của WTO nhằm bảo đảm các quyền và nghĩa vụ của các nước này theo các hiệp định của WTO (Điều 1 - 3 Thỏa thuận về các quy tắc và thủ tục điều chỉnh việc giải quyết tranh chấp của WTO). Trong tranh chấp tại WTO DSB, nguyên đơn thường đưa ra lập luận rằng, một biện pháp nào đó (chẳng hạn như quy định pháp luật) của một nước thành viên WTO vi phạm nghĩa vụ của nước đó theo pháp luật WTO còn bị đơn phản bác quan điểm này. Do đó, WTO DSB cần phải xác định xem biện pháp đó có tuân thủ hay phù hợp với quy định của WTO hay không? Điều này đồng nghĩa với việc: nhiệm vụ mà WTO DSB phải làm là xác định sự phù hợp giữa pháp luật quốc gia (thành viên WTO) và pháp luật quốc tế (luật WTO). Ngoài ra, phán quyết của WTO DSB rằng buộc các nước thành viên WTO nên cách thức cơ quan này thực hiện nhiệm vụ của mình cần được nghiên cứu đầy đủ.

Phần lớn các nghiên cứu về phán quyết của các cơ quan giải quyết tranh chấp nói

chung và của WTO DSB nói riêng đều không xem xét các phán quyết này như các công trình nghiên cứu khoa học mà đều coi đây đơn thuần là hoạt động thực hiện chức năng bảo đảm tính cưỡng chế thi hành pháp luật của một chủ thể trong các quan hệ pháp luật (Đỗ Văn Đại, 2025, tr. 182-196). Tức là phần lớn đều coi phán quyết của các cơ quan giải quyết tranh chấp là đối tượng nghiên cứu (để áp dụng phương pháp nghiên cứu nào đó) thay vì là một nghiên cứu hoàn chỉnh (bao gồm cả đối tượng nghiên cứu, mục tiêu và phương pháp nghiên cứu của riêng nó).

Nghiên cứu khoa học là sự tìm kiếm những điều mà khoa học chưa biết hoặc là sáng tạo phương pháp mới và phương tiện kỹ thuật mới để làm biến đổi sự vật phục vụ cho mục tiêu hoạt động của con người (Vũ Cao Đàm, 2021, tr. 9). Còn “nghiên cứu khoa học luật là quá trình tìm hiểu có hệ thống các vấn đề có liên quan đến pháp luật bao gồm phân tích, giải thích, đánh giá các nguyên lý, quy phạm, thể chế, chất lượng pháp luật, đồng thời lý giải triết lý sâu xa đằng sau các quy định pháp luật, hướng tới việc phát triển lý luận pháp lý nhằm hiểu rõ hơn về vai trò và mục tiêu của pháp luật trong việc điều chỉnh hành vi con người, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của công dân, hướng đến dân chủ, công bằng, bình đẳng vì lợi ích chung của xã hội, của cộng đồng và của con người” (Phan Trung Hiền, 2025, tr. 62-64). Vì vậy, phán quyết của WTO DSB thỏa mãn đầy đủ các đặc trưng của một nghiên cứu luật học với (1) Đối tượng nghiên cứu là một hoặc một số quy định pháp luật của WTO (được xác định thông qua lập luận của các bên tranh chấp); (2) Mục tiêu nghiên cứu là xác định xem quy định pháp luật của WTO có bị bên bị đơn trong tranh chấp vi phạm hay không và nếu có thì chế tài áp dụng là gì; (3) Phương pháp nghiên cứu là phương pháp giải thích và phân tích luật; (4) Các bước nghiên cứu tuân thủ theo mô hình FIRAC; (5) Kết quả nghiên cứu chỉ rõ bên bị đơn có vi phạm quy định

của pháp luật WTO hay không và chế tài áp dụng (nếu có).

Để giải quyết được vấn đề xác định sự phù hợp hay tương thích của pháp luật quốc gia với pháp luật quốc tế, WTO DSB đã áp dụng phương pháp giải thích và phân tích luật, cụ thể là: (1) Tìm kiếm hay xác định quy định của pháp luật WTO có thể được áp dụng/có thể bị vi phạm bởi một hành vi/biến pháp/quy định của pháp luật của nước thành viên của WTO; (2) Phân tích quy định của WTO thành nhiều bộ phận cấu thành như giả định, quy định, chế tài, ngoại lệ, phần mở đầu... và giải thích các thuật ngữ pháp lý cấu thành các bộ phận của WTO trên cơ sở các nguyên tắc giải thích pháp luật quốc tế và áp dụng các phương pháp suy luận diễn dịch, quy nạp và tương tự; (3) Đưa ra kết luận cho câu hỏi được xác định.

### 5. Kết luận

Tuy không phải là phương pháp nghiên cứu đặc trưng riêng có của ngành khoa học luật, song phương pháp so sánh luật ngày càng được sử dụng nhiều trong lĩnh vực này. Tuy nhiên, phương pháp nghiên cứu này cũng có những hạn chế riêng, trong đó có mục tiêu nghiên cứu không nhằm tới việc xác định sự phù hợp hay tương thích hay tuân thủ của pháp luật quốc gia với pháp luật quốc tế. Thay vì đồng ý với quan điểm cho rằng, so sánh luật có thể được sử dụng để đánh giá mức độ phù hợp của pháp luật quốc gia với pháp luật quốc tế, bài viết khẳng định, phương pháp giải thích và phân tích pháp luật quốc tế phù hợp hơn. Điều này đã được chứng minh thông qua các phán quyết của WTO DSB - cơ quan tài phán quốc tế có chức năng giải quyết tranh chấp thương mại giữa các nước thành viên WTO có liên quan tới các hiệp định của WTO trên cơ sở giải quyết vấn đề cốt lõi□

#### Tài liệu tham khảo:

Đỗ Văn Đại. (2025). *Bình luận bản án, phương pháp nghiên cứu pháp luật*. Trường Đại học

Cần Thơ. Kỷ yếu Hội thảo Khoa học “Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu luật học”. Nxb Công an nhân dân.

Knop, Karen; Michaels, Ralf; & Riles, Annelise. (2009). *International Law in Domestic Courts: A Conflict of Laws Approach*. Cornell Law Faculty Publications. 1378. <https://scholarship.law.cornell.edu/facpub/1378>

Matt Henn, Mark Weinstein and Nick Foard. (2009). *A Critical Introduction to Social Research*. (2nd edn, Sage 2009) Chapters 6, 7 and 8.

Michael Salter and Julie Mason. (2007). *Writing Law Dissertations - An Introduction and Guide to the Conduct of Legal Research* (Pearson 2007).

Ngô Đức Mạnh. (01/12/2004). Mối quan hệ giữa điều ước quốc tế và pháp luật quốc gia. *Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp*. <https://lapphap.vn/Pages/TinTuc/208995/Moi-quan-he-giua-dieu-uoc-quoc-te-va-phap-luat-quoc-gia.html>

Nguyễn Thị Hồng Trinh. (2025). *Luật học so sánh và thực tiễn vận dụng trong nghiên cứu luật học tại Việt Nam*. Trường Đại học Cần Thơ. Kỷ yếu Hội thảo khoa học “Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu luật học”. Nxb Công an nhân dân.

Phan Trung Hiền. (2025). *Phương pháp tư duy, lập luận và sử dụng minh chứng trong nghiên cứu khoa học luật*. Trường Đại học Cần Thơ. Kỷ yếu Hội thảo khoa học “Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu luật học”. Nxb Công an nhân dân.

Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam. (VCCI, 2021). *Báo cáo nghiên cứu: Hoạt động xây dựng pháp luật thực thi CPTPP - Đánh giá hiệu quả thực hiện và hàm ý chính sách*.

Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam. (VCCI, 2022). *Báo cáo Việt Nam sau 02 năm thực hiện Hiệp định EVFTA từ góc nhìn doanh nghiệp*. Nxb Công Thương.

Vũ Cao Đàm. (2021). *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*. Nxb Giáo dục Việt Nam.